

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày **13** tháng **9** năm 2021  
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Thiều Hoàng Mới  
Bà Hồ Thị Thanh Thủy**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08/7/2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Bích L, địa chỉ: XX, ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Hà Thiện T, địa chỉ: XX, ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Trong đơn khởi kiện ngày 05/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Mai Thị Bích L trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Hà Thiện T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Hai người có 02 con chung là Hà Tấn P sinh năm 1989 và Hà Thị Bích L1 sinh năm 1997. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp, nên thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông T; về con chung cả hai cháu đều đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Thiện T trình bày: Ông T thừa nhận phần trình bày của bà L về thời điểm sống chung, không đăng ký kết hôn và có 02 con chung đã trưởng thành là đúng; ông T cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn cự cãi và cũng đồng ý

với yêu cầu ly hôn của bà L, con chung ông T không yêu cầu giải quyết, tài sản chung ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của Viện Kiểm sát:** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

[1] Tại phiên tòa, ông Hà Thiện T vắng mặt nhưng ông T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, giữa bà Mai Thị Bích L với ông Hà Thiện T thuộc trường hợp nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên về nguyên tắc không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân này là không hợp pháp. Từ việc hôn nhân được xem là không hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án không xem xét mâu thuẫn của các bên để khuyến khích hòa giải đoàn tụ, hàn gắn; chỉ xem xét giải quyết các tranh chấp về nuôi con chung và tài sản chung nếu có, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Theo quy định này và trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung nhưng tất cả đều đã trên tuổi thành niên và tự lập được cuộc sống, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 15, 51, 53, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Thị Bích L và ông Hà Thiện T.

- *Về con chung:* Các cháu Hà Tấn P và Hà Thị Bích L1 đều đã trên tuổi thành niên và tự lập được cuộc sống, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**2.** Về án phí: Bà Mai Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008302 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**3.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**